TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁT XÁT** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2022/HNGĐ – ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Văn Thắng.
2. Ông Đỗ Minh Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Vùi Thị L – Sinh năm 1989.
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Bị đơn: anh Giàng A Th - Sinh năm 1986;
Cùng địa chỉ: thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 27/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vùi Thị L trình bày:

Chị và anh Giàng A Th kết hôn với nhau có đăng ký ngày 21/5/2008, tại Uỷ ban nhân dân xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Sau ngày cưới vợ chồng về sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống và nuôi dạy con, mặt khác anh Thắng không chung thủy, từ đó cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến hay cãi nhau khiến cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh phúc, gây tâm lý bất ổn cho các con. Ngoài ra anh Thắng thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về, mỗi lần về là lại cãi nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 không còn quan tâm đến nhau. Sau khi mâu thuẫn sảy ra gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Đến nay chị xét thấy tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị sinh được 4 con chung, cháu thứ nhất Giàng Thanh Thủy, sinh ngày 26/01/2009; cháu thứ hai Giàng Thanh Thúy, sinh ngày 26/01/2010; cháu thứ ba Giàng Thị Huyền, sinh ngày 25/9/2011 và cháu thứ tư Giàng Minh Tuấn, sinh ngày 01/3/2018. Từ ngày sống ly thân các cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nuôi cả 4 cháu, vì hiện tại anh Thắng đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà, điều kiện để chăm sóc các con là không có, chị không yêu cầu anh Thắng cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay.

Đối với bị đơn anh Giàng A Th, do thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, vì vậy Tòa án không tống đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng, đã niêm yết công khai tại nơi cư trú theo qui định của pháp luật nhưng anh Giàng A Th không có văn bản trả lời và không đến Toà án.

Đối với vụ án này Tòa án không hòa giải được vì nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Vùi Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện và các bản khai.

Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát có quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227;

khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Về quan hệ hôn nhân: cho chị Vùi Thị L được ly hôn anh Giàng A Th. Về con chung: Giao cả 4 cháu, Giàng Thanh Thủy, sinh ngày 26/01/2009; Giàng Thanh Thúy, sinh ngày 26/01/2010; Giàng Thị Huyền, sinh ngày 25/9/2011 và Giàng Minh Tuấn, sinh ngày 01/3/2018 cho chị Vùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Giàng A Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Vùi Thị L phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Vùi Thị L khởi kiện anh Giàng A Th về việc ly hôn, đây là tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, anh Giàng A Th có địa chỉ tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai thụ lý vụ án để giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay chị Vùi Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Giàng A Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Vùi Thị L và anh Giàng A Th.

[2] Chị Vùi Thị L và anh Giàng A Th kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01, ngày 21 tháng 5 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Chị Vùi Thị L và anh Giàng A Th sau khi kết hôn, chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm không thống nhất, thực tế thì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, không quan tâm đến nhau, chính quyền địa phương cũng xác nhận việc vợ chồng chị Vùi Thị L chung sống với nhau có mâu thuẫn và hiện tại sống ly thân như ở trên. Xét thấy mâu thuẫn của chị Vùi Thị L và anh Giàng A Th là có

thật, mâu thuẫn của vợ chồng, do chị Vùi Thị L cung cấp phù hợp với nội dung xác nhận của địa phương. Nay chị Vùi Thị L xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Vùi Thị L, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Vùi Thị L được ly hôn anh Giàng A Th.

[4] Về con: Chị Vùi Thị L và anh Giàng A Th sinh được sinh được 4 con chung, cháu thứ nhất Giàng Thanh Thủy, sinh ngày 26/01/2009; cháu thứ hai Giàng Thanh Thúy, sinh ngày 26/01/2010; cháu thứ ba Giàng Thị Huyền, sinh ngày 25/9/2011 và cháu thứ tư Giàng Minh Tuấn, sinh ngày 01/3/2018. Từ ngày sống ly thân các cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nuôi cả 4 cháu.

Xét thấy chị Vùi Thị L hiện là lao động tự do, mức thu nhập bình quân đối với lao động tự do tại địa phương nơi chị Vùi Thị L sinh sống là từ 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng đến 200.000 (hai trăm nghìn) đồng/ ngày, bản thân anh Giàng A Th thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng mới về, từ khi thụ lý vụ án anh Giàng A Th không đến và không có văn bản trả lời, mặt khác cả 3 cháu lớn đều muốn ở với chị Linh, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Linh, giao cả 04 cháu cho chị Linh nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vùi Thị L không yêu cầu anh Giàng A Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản: Chị Vùi Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016, chị Vùi Thị L phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Vùi Thị L được ly hôn anh Giàng A Th.

2. Về con: Chị Vùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Thanh Thủy, sinh ngày 26/01/2009; cháu thứ hai Giàng Thanh Thúy, sinh ngày 26/01/2010; cháu thứ ba Giàng Thị Huyền, sinh ngày 25/9/2011 và cháu thứ tư Giàng Minh Tuấn, sinh ngày 01/3/2018 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Vùi Thị L không yêu cầu anh Giàng A Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Giàng A Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vùi Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002237 ngày 06 tháng 7 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát;
- Đương sự (2);
- THA DS;
- Lưu TA,VP,HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

Thẩm phán Hoàng Duy Chiến;

Báo cáo án;

Nguyên đơn: Chị Vùi Thị L.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đồng Tuyển, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh Giàng A Th, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đồng Tuyển, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vùi Thị L trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Giàng A Th kết hôn với nhau có đăng ký ngày 18/12/2012, Minhi UBND xã Đồng Tuyển, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Trước khi kết hôn chúng tôi có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, được năm năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Trinh không chịu làm ăn, chơi cờ bạc, gia đình hai bên đã khuyên giả nTrinh anh Trinh không khắc phục được, đến nay tình cảm vợ chồng trầm trọng hơn, hiện Minhi vợ chồng đã sống ly thân được 2 tháng, không quan tâm đến nhau. Nay chị Minh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giả quyết cho ly hôn với anh Giàng A Th.

Về con: Vợ chồng sinh được hai con chung, cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc Trinh, sinh ngày 08/10/2013, cháu thứ hai Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 01/12/2016. Nếu được ly hôn chị Minh có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Trinh cấp dưỡng nuôi con chung.Hiện Minhi chị bán hàng Minhp hóa chợ Duyên Hải thu nhập hàng tháng 10 triệu đồng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu toà án giải quyết.

Minhi bản khai ngày 11/7/2018 bị đơn anh Giàng A Th trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận về thời gian và địa điểm đăng ký kết như chị Minh trình bày là đúng, anh hoàn toàn nhất trí. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian như chị Minh trình bày thì phát sinh mâu thuẫn, nTrinh anh xét thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, có khả năng khắc phục được, vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

* Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh xác nhận có 02 người con chung đúng như chị Minh đã khai, trong trường hợp phải ly hôn thì anh xin nuôi cháu thứ nhất Nguyễn Thị Ngọc Trinh, không yêu cầu chị Minh cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

* Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Minhi phiên tòa anh Giàng A Th vắng mặt, chị Vùi Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện.

QUAn Điểm

Căn cứ Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Vùi Thị L được ly hôn anh Giàng A Th.

2. Về con: Chị Vùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu thứ nhất Nguyễn Ngọc Trinh, sinh ngày 08/10/2013, cháu thứ hai Nguyễn Ngọc Anh, sinh ngày 01/12/2016 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Giàng A Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Giàng A Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Vùi Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nTrinh được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền Minhm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Minhi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0005271 ngày 03/7/2018. Chị Vùi Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Minhi Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định Minhi các Điều 6, 7, 7a

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định Minhi Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt Minhi phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TP Hoàng Duy Chiến báo cáo vụ án ly hôn:
1.Nguyên đơn: Chị Hoàng Thuỳ Giang.

Địa chỉ: Tổ 28, phường Pom Hán, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

2. *Bị đơn:* Anh Giàng A Th.

Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ 19, phường Duyên Hải, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 043, đường Trần Quốc Hoàn, tổ 19B, phường Duyên Hải, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vùi Thị L trình bày:

Chị và anh Giàng A Th kết hôn với nhau có đăng ký Minhi Uỷ ban nhân dân phường Pom Hán, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai vào ngày 29/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn vài năm đầu thì phát sinh mâu thuân thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không có tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ, cuộc sống chung không hòa hợp. Từ đó vợ chồng thường xuyên xô sát, mâu thuẫn, cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin được ly hôn với anh Trinh.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị sinh được một người con chung tên là Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014. Nay ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Nông Khả Ngân, không yêu cầu anh Trinh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Minhi bản tự khai và Minhi phiên tòa bị đơn anh Giàng A Th trình bày***:**

Về hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn chị Vùi Thị L trình bày là đúng sự thật. Về mâu thuẫn vợ chồng anh cho rằng chị Minh trình bày là không đúng, thực tế vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nTrinh chưa đến mức trầm trọng, vẫn có khả năng khắc phục được. Nguyên nhân phát sinh là do hoàn cảnh gia đình, anh phải đi làm để lấy tiền trang trải cuộc sống của bản thân cũng như gia đình, công việc của anh phải làm đêm và có khi làm cả đêm chính vì vậy không có sự chăm sóc quan tâm đến vợ con, anh nghĩ mâu thuẫn này anh sẽ khắc phục được. Chị Minh nói vợ chồng sông ly thân từ tháng 9/2017 chị về nhà mẹ để để ở là không đúng mà chị Minh về nhà mẹ đẻ ở từ

12/2017, khi ly thân thì cứ có thời gian anh xuống thăm vợ và con. vì vậy anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014. Nay ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi cháu Nông Khả Ngân đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Minh phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Minhi phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm.

QUAN ĐIỂM

Căn cứ Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Vùi Thị L được ly hôn anh Giàng A Th.

2. Về con: Chị Vùi Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Khả Ngân, sinh ngày 19/10/2014 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Giàng A Th không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Giàng A Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Vùi Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm nTrinh được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn) tiền Minhm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp Minhi Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0004944 ngày 09/3/2018. Chị Vùi Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Minhi Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định Minhi các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định Minhi Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,